

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Bùi Thị Hà

- Ông Bùi Trọng Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đổng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/TLST-DS ngày 29/10/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-DS ngày 27/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk;

(*Địa chỉ cũ Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk*)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang T1 (vắng mặt), bà Lê Thị Thanh T2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk

(*Địa chỉ cũ Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Tôi vào ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 là người quen biết.

Ngày 29/9/2022 ông T1, bà T2 có vay của tôi số tiền 38.000.000 đồng để trả công thợ xây dựng, tới ngày 17/10/2022 ông T1, bà T2 lại tiếp tục vay và quỳ xuống nền nhà tôi cầu cứu là vay trả ngân hàng vì mua ô tô chưa trả nợ đến hạn

họ lấy xe ô tô mang biển kiểm soát 51F-36623, hiệu Hyundai. Khi đó cả hai vợ chồng khóc và năn nỉ giúp vợ chồng ông T1, để chuộc xe ra nếu không ông T1 sẽ đền bù xe nếu không trả nợ đúng thời gian hẹn nợ, cả hai khoản nợ là 88.000.000 đồng.

Nay tôi đề nghị ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 phải trả cho tôi số tiền 105.240.000 đồng, trong đó nợ gốc là 88.000.000 đồng, nợ lãi là 17.240.000 đồng, mức lãi suất 10%/năm tính đến ngày 24/10/2024. Ông T1, bà T2 phải trả lãi cho tôi đến khi trả xong nợ gốc.

** Bị đơn ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông bà không tham gia tố tụng tại Tòa án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắc Lắc phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T buộc ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 phải trả số tiền nợ gốc là 88.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắc Lắc (địa chỉ cũ: Xã Q, huyện C, tỉnh Đắc Lắc). Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắc Lắc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo giấy mượn tiền đề ngày 29/9/2022 thì ông Nguyễn Quang T1 có cho vay của bà Trần Thị T số tiền 38.000.000 đồng, thời hạn cho vay 02 tháng.

Theo giấy mượn tiền đề ngày 17/10/2022 thì ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 có cho vay của bà Trần Thị T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn cho vay 05 ngày.

Do ông Nguyễn Quang T1 không tham gia tố tụng tại Tòa án nên nguyên đơn bà Trần Thị T đã đề nghị Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tên của ông Nguyễn Quang T1 trong giấy vay tiền đề ngày 29/9/2022 và ngày 17/10/2022. Tại Kết luận giám định số 74/LL-KLHS ngày 25/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Quang T1 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Quang T1 trên tài liệu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, đã có căn cứ để xác định nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn Nguyễn Quang T1 đã giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Đối với bà Lê Thị Thanh T2 là vợ ông Nguyễn Quang T1 bà có tham gia ký giấy vay tiền vào ngày 17/10/2022 với bà T, không tham gia ký giấy ngày 29/9/2022 tuy nhiên mục đích ông T1 mượn tiền là để giải quyết việc gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T2 phải có nghĩa vụ trả nợ cùng ông T1

Khi đến thời hạn trả tiền ông T1, bà T2 không trả nợ cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của người vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Về tiền lãi: Tại giấy mượn tiền đề ngày 29/9/2022 và giấy mượn tiền đề ngày 17/10/2022 được các bên xác lập không thỏa thuận về mức lãi suất chậm trả, Hội đồng xét xử thấy rằng các bên không thỏa thuận lãi suất với nhau tuy nhiên căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự : *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”*, do đó yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là phù hợp nên cần chấp nhận. cụ thể:

- Đối với giấy vay tiền đề ngày 29/9/2022, thời gian tính lãi là từ ngày 30/11/2022 đến thời điểm xét xử ngày 30/9/2025, cụ thể: 38.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 10 tháng = 10.754.000 đồng

- Đối với giấy vay tiền đề ngày 17/10/2022, thời gian tính lãi là từ ngày 23/10/2022 đến thời điểm xét xử ngày 30/9/2025, cụ thể: 50.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 11 tháng 02 ngày = 14.593.000 đồng

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T là có căn cứ nên cần chấp nhận buộc bị đơn ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 88.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 25.347.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký chữ viết tên theo yêu cầu của nguyên đơn với chi phí 6.400.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 phải chịu chi phí này.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 6.400.000 đồng sau khi thu được của bị đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định pháp luật, cụ thể: $113.347.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.667.350 \text{ đồng}$. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 113.347.000 đồng (trong đó: Nợ gốc là 88.000.000 đồng, nợ lãi là 25.347.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 phải chịu 6.400.000 đồng tiền chi phí trưng cầu giám định.

Bà Trần Thị T được nhận lại số tiền 6.400.000 đồng sau khi thu được của ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2

[3] Về án phí:

- Ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Thanh T2 phải chịu 5.667.350 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 2.631.000 đồng mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0008001 ngày 23/10/2024 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đắk Lắk)

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự